Hướng dẫn kiểm tra các vấn đề môi trường và xã hội khi xem xét cấp tín dụng cho các dự án/phương án SXKD trong ngành sản xuất pin và ác quy

***Giới thiệu***

Hướng dẫn này được xây dựng nhằm cung cấp cho cán bộ thẩm định tín dụng một công cụ để đánh giá các rủi ro tiềm ẩn đối với các khoản đầu tư vào ngành sản xuất pin và ác quy. Theo VSIC 2007, Sản xuất pin và ác quy bao gồm hoạt động sản xuất pin xạc lại được và pin không xạc lại được, cụ thể:

Sản xuất pin và ắc quy: Pin có dioxit mangan, dioxit thuỷ ngân, ôxit bạc...

Sản xuất ắc quy điện, bao gồm các phần như: Tấm ngăn, bình ắc quy, vỏ bọc;

Sản xuất ắc quy axit chì;

Sản xuất ắc quy nitrat camium;

Sản xuất ắc quy NiMH;

Sản xuất ắc quy Lithi;

Sản xuất ắc quy khô;

Sản xuất ắc quy nước.

Hướng dẫn kiểm tra này sẽ xem xét các rủi ro về môi trường và xã hội của các dự án đầu tư sản xuất pin và ác quy. Những hướng dẫn này được xây dựng dựa trên các quy định pháp luật, và các tiêu chuẩn/ quy chuẩn hiện hành của Việt Nam (Phụ lục 1). Ngoài ra, cán bộ thẩm định tín dụng có thể sử dụng Hướng dẫn về môi trường, sức khỏe và an toàn (EHS) của Nhóm Ngân hàng thế giới làm các tài liệu tham khảo kỹ thuật với các ví dụ chung và của các ngành công nghiệp đặc thù về thực hành công nghiệp quốc tế tốt (Phụ lục 2). Các cán bộ tín dụng cũng nên tham khảo thêm ý kiến của chuyên gia có trình độ và kinh nghiệm để hiểu rõ hơn các biện pháp ngăn ngừa đang được khách hàng sử dụng có phù hợp với ngành và tiêu chuẩn chung hay không và khả năng và mức độ áp dụng các khuyến nghị kỹ thuật trong các tài liệu nếu cần thiết.

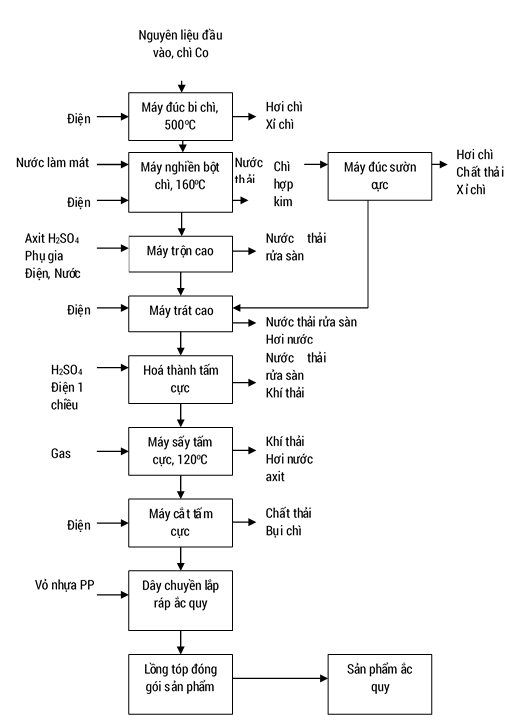
***Tổng quan về ngành***

Ắc quy axit-chì được sản xuất từ ​​các thỏi hợp kim chì và oxit chì. Các công ty sản xuất pin lớn có thể tự sản xuất Oxit chì, hoặc có thể được mua từ nhà cung cấp. Lưới ác quy được sản xuất bằng cách đúc hoặc dập. Các bột nhão được sử dụng để lấp đầy các lưới pin được thực hiện trong các quy trình loại hàng loạt. Hỗn hợp bột oxit chì, nước và axit sulfuric tạo ra bột nhão dương. Bột nhão âm cũng được làm từ các thành phần tương tự như bột nhão dương nhưng với tỷ lệ hơi khác nhau với và có bổ sung chất giãn nở (thường là hỗn hợp bari sulfat, cacbon đen và chất hữu cơ). Máy ép ép các bột nhão này vào các khe lưới để hình thành các tấm. Ở giai đoạn này, phản ứng hóa học bắt đầu trong quá trình ép làm cho các tấm lưới dần dần cứng lại và giải phóng nhiệt. Trong quá trình tạo hình, các tinh thể chì dạng chì hình kim (PbSO4) được hình thành. Các tấm được giữ ở độ ẩm cao gần 90% và nhiệt độ gần 32°C (90oF) trong khoảng 48 giờ và sau đó được để khô trong điều kiện môi trường xung quanh. Các tấm sau đó được lắp ráp và xếp vào các bình, xen kẽ với các chất cách điện. Các chất cách điện này được làm bằng vật liệu như nhựa không dẫn điện hoặc sợi thủy tinh. Đối với ắc quy khô, các tấm pin được ngâm trong dung dịch axit sulfuric loãng; các tấm dương được nối với cực dương của nguồn dòng trực tiếp (DC) và các tấm âm được kết nối với cực âm của nguồn DC. Đối với ắc quy ướt, điều này được thực hiện trong bình ắc quy.

Ở quá trình hoàn thiện, axit cũ đổ đi và axit tươi, và tăng áp được thêm vào. Đối với ắc quy khô, các tấm riêng lẻ có thể được lắp ráp trước và sau đó được hình thành trong các bể chứa hoặc được tạo thành các tấm riêng lẻ. Các bộ phận bị lỗi được sửa chữa hoặc gửi đến một nhà máy luyện chì thứ cấp. Việc luyện chì ở các nhà máy ắc quy được thực hiện trong lò nồi nhỏ để chì không bị oxy hóa. Khoảng 1 đến 4% chì được xử lý tại một nhà máy ắc quy axít chì điển hình được tái chế thông qua hoạt động cải tạo dưới dạng tấm dán hoặc kim loại. Tuy nhiên, xu hướng chung trong ngành công nghiệp sản xuất ắc quy axít chì là gửi đi các lò luyện kim phụ để cải tạo

Các bước chính trong pin và ắc quy bao gồm xxx, được mô tả như hình dưới đây:

Hình 1: Dây chuyền sản xuất ác quy



So với nhiều ngành công nghiệp sản xuất khác, ngành sản xuất pin và ắc quy có mức độ ô nhiễm cao và dễ gây tác động đến con người và môi trường xung quanh do ô nhiễm từ nguồn nước thải xử lý không đạt yêu cầu. Đánh giá tác động môi trường của những dự án này này cần đặc biệt quan tâm đến hoạt động xử lý nước thải, và quản lý phát thải.

Một số vấn đề quan trọng được dư luận đặc biệt quan tâm và có thể dẫn đến các rủi ro về uy tín hoặc tín dụng đối với các khoản vay hoặc đầu tư, bao gồm:

* Không tuân thủ các giấy phép và quy định về môi trường
* Ô nhiễm nguồn nước do các hoạt động sản xuất bao gồm cả nguyên nhân từ các sự kiện ngẫu nhiên;
* Rủi ro về sức khoẻ do ô nhiễm phát sinh từ các hoạt động sản xuất;
* Quyền con người và an toàn lao động của người lao động/ cộng đồng bị ảnh hưởng - điều kiện làm việc và tiêu chuẩn lao động nghèo nàn.

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| PHẦN A – THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP VÀ DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ CẤP TÍN DỤNG | | | | | | | |
| A0. THÔNG TIN LIÊN LẠC | | | | | | | |
| Doanh nghiệp đề nghị cấp tín dụng | Tên doanh nghiệp | | | Mã số doanh nghiệp: | | | |
| Thành viên HĐQT/Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về các vấn dề MT&XH: |  | | T-Ext.: | Fax.: | | e-mail: | |
| Cán bộ phụ trách MT&XH: |  | | T-Ext.: | Fax.: | | e-mail: | |
| A1. TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH VỀ MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI | | | | | | | |
| A1.1 **Dự án** đề nghị cấp tín dụng đã có những **giấy phép** nào sau đây?  ***Nếu có,*** *cán bộ tín dụng yêu cầu một bản copy các giấy tờ này*  *Trong trường hợp không đầy đủ, cán bộ tín dụng cần tìm hiểu lý do không có các giấy tờ này* | **Giai đoạn cấp phép**  Đánh giá tác động môi trường[[1]](#footnote-2)       nếu công suất từ 50.000 KWh/năm trở lên hoặc từ 100 tấn sản phẩm/năm trở lên.  Kế hoạch bảo vệ môi trường       nếu công suất dưới 50.00 kWh/ năm hoặc dưới 100 tấn sản phẩm/ năm.  Phương án chữa cháy, thoát nạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt[[2]](#footnote-3)  Văn bản thẩm duyệt thiết kế PCCC[[3]](#footnote-4)  Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại bao gồm những chất thải xác định là chất thải nguy hại như chì, axit.[[4]](#footnote-5)  **Giai đoạn thử nghiệm, vận hành**  Giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT[[5]](#footnote-6)  Xác nhận hệ thống quản lý môi trường[[6]](#footnote-7)  Văn bản thẩm duyệt, kiểm tra nghiệm thu PCCC[[7]](#footnote-8)  Văn bản thông báo cam kết với cơ quan Cảnh sát PCCC về việc đảm bảo các các điều kiện về PCCC[[8]](#footnote-9)  Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với tài sản của doanh nghiệp[[9]](#footnote-10) | | | | | | |
| **A1.2 Doanh nghiệp đề nghị cấp tín dụng** đã có những Chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn **còn hiệu lực**, và do **tổ chức chứng nhận được công nhận**[[10]](#footnote-11)nào sau đây[[11]](#footnote-12), và phạm vi áp dụng của các chứng chỉ/ chứng nhận này (Áp dụng chung cho DN/ Áp dụng cho dây chuyền sản xuất/ dự án khác/ Chỉ áp dụng cho dự án đề nghị cấp tín dụng) | Hệ thống quản lý môi trường TCVN ISO 14001[[12]](#footnote-13)  Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn - ISO 9001[[13]](#footnote-14)  Hệ thống quản lý năng lượng - ISO 50001[[14]](#footnote-15)  Hệ thống quản lý An toàn sức khỏe nghề nghiệp - OHSAS 18001[[15]](#footnote-16)  Hệ thống trách nhiệm giải trình xã hội - SA 8000[[16]](#footnote-17)  Khác, ghi rõ | | | | | | |
| A1.3 Doanh nghiệp đã từng được ***giải thưởng, bằng khen*** gì về bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội nào? | Không  Có, ghi rõ nội dung chi tiết (*sản xuất công nghệ môi trường, chương trình xử lý chất thải, chương trình sản xuất sạch hơn, cải thiện đa dạng sinh học v.v*), và thời gian: | | | | | | |
| A1.4 Doanh nghiệp đã từng bị cảnh báo, vi phạm hành chính trong ***lĩnh vực bảo vệ môi trường***[[17]](#footnote-18) trong 5 năm gần đây? | Không, chưa từng vi phạm  Có, ghi rõ nội dung chi tiết, và thời gian | | | | | | |
| A1.5 Doanh nghiệp đã từng bị cảnh cáo, vi phạm hành chính trong ***lĩnh vực lao động*** và trách nhiệm xã hội[[18]](#footnote-19) trong 5 năm gần đây? | Không, chưa từng vi phạm  Có, ghi rõ nội dung chi tiết, và thời gian | | | | | | |
| A 2. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ CẤP TÍN DỤNG | | | | | | | |
| A2.1 Loại hình dự án | Dự án đầu tư mới (chưa hoạt động)[[19]](#footnote-20) | Dự án đầu tư mở rộng (diện tích, hiện đại hóa) | | | Dự án tài trợ vốn lưu động  🡪 chuyển đến phần **C.** **Đề xuất** | | |
| A2.2 Hoạt động của doanh nghiệp/ dự án tài trợ có nằm trong khu vực hoặc gần với (trong bán kính 2,5 km) những khu vực sau (có thể có nhiều lựa chọn)? [[20]](#footnote-21) | *Khu vực hoạt động của DN/ dự án* | | | | *Nằm trong:* | | *Nằm gần:* |
| Khu công nghiệp/ Khu chế xuất đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn *(ghi rõ tiêu chuẩn áp dụng và khả năng xử lý của hệ thống nước thải)* | | | |  | |  |
| Khu công nghiệp/ Khu chế xuất chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn | | | |  | |  |
| Khu thương mại | | | |  | |  |
| Khu dân cư (làng xóm/nhà ở, cửa hàng) | | | |  | |  |
| Khu vực sản xuất nông nghiệp | | | |  | |  |
| Khu sinh thái quan trọng (như rừng tự nhiên, đầm, lầy, rặng san hô) | | | |  | |  |
| Vùng nước (như đất ngập nước, hồ, sông ngòi) | | | |  | |  |
| Di sản văn hóa quan trọng (như di tích khảo cổ, địa chất, lịch sử, tôn giáo) | | | |  | |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| PHẦN B: TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN VỀ MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI | | |
| B 1. NGĂN NGỪA VÀ XỬ LÝ Ô NHIỄM *Quá trình sản xuất pin và ắc quy: ô nhiễm chì, chất thải chứa hóa chất quy hại*  *Hoạt động thu gop pin và ắc quy đã qua sử dụng*  *Sản xuất pin và ắc quy là quá trình sử dụng nhiều năng lượng. Sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả trong ngành năng lượng là một trong những vấn đề cần được ưu tiên, và được pháp luật Việt Nam quy định.* | | |
| **B1.1 Xử lý nước thải** | ***Mức độ sử dụng tài nguyên nước***  Lượng nước (mặt) tiêu thụ hàng tháng:  Lượng nước (ngầm) tiêu thụ hàng tháng:  Lượng nước tái sử dụng hàng tháng:  Lượng nước thải ra hàng tháng: | |
| Doanh nghiệp có thực hiện ***quan trắc tự động, liên tục nước thải đầu ra*** không*[[21]](#footnote-22)*? *(Các thông số quan trắc bao gồm: lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, pH, nhiệt độ, COD, BOD, TSS và các thông số đặc trưng theo loại hình. Hệ thống quan trắc nước thải tự động phải bao gồm thiết bị lấy mẫu tự động được niêm phong; phải lắp đặt thiết bị camera được kết nối internet để giám sát cửa xả của hệ thống xử lý nước thải và lưu giữ hình ảnh trong vòng 03 tháng gần nhất - Thông tư 31/2016/TT-BTNMT) [[22]](#footnote-23)*  Có *(cán bộ thẩm định tín dụng yêu cầu một bản sao báo cáo kết quả và báo cáo phân tích kỳ gần nhất)*  Chưa thực hiện trong giai đoạn dự án chưa đi vào hoạt động  Không, tìm hiểu rõ lý do  ***Lưu ý***: *Cán bộ thẩm định tín dụng kiểm tra báo cáo quan trắc hoặc xem xét phần đánh giá tác động chất lượng nước/ tác động hút, so sánh với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT) hoặc Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt bảo vệ đời sống thủy sinh (QCVN 38:2011/BTNMT)* | |
| Trường hợp cơ sở sản xuất nằm trong Khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung, Doanh nghiệp có thực hiện đấu nối nước thải vào hệ thống xử lý chung của Khu công nghiệp không?  Có, Công suất và Khả năng của hệ thống xử lý chung đáp ứng được nhu cầu xả thải của cơ sở sản xuất  Không, tìm hiểu rõ lý do: | |
| Doanh nghiệp có ***sử dụng những công nghệ kiểm soát tốt nhất có thể có được mà không phải chịu chi phí quá mức*** trong bảm bảo chất lượng nước không? *(Nước được sử dụng nhiều ở công đoạn nào? Các công nghệ/ kỹ thuật điển hình về tiết kiệm nước/ tái sử dụng nước)*  Không  Có, ghi rõ biện pháp nào sẽ được/đã được khách hàng sử dụng      *(thu hồi dịch đen để ngâm nguyên liệu thô, sử dụng nồi nấu đa trọng, thu hồi hơi, tối ưu hóa quá trình nấu, Xử lý yếm khí đối với dịch đen..)* | |
| B1.2 **Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả** | Doanh nghiệp có những biện pháp/ giải pháp nào để ***tiết kiệm năng lượng***[[23]](#footnote-24)*(năng lượng được sử dụng nhiều ở công đoạn nào? Các công nghệ/ kỹ thuật điển hình về tiết kiệm năng lượng)*  Có, ghi rõ biện pháp nào sẽ được/đã được khách hàng sử dụng  Không, tìm hiểu rõ lý do | |
| ***Mức độ sử dụng năng lượng:***  Điện lưới, mức tiêu thụ hàng tháng:  Than/trấu, mức tiêu thụ hàng tháng:  Năng lượng tái tạo, mức tiêu thụ hàng tháng: | |
| **B1.3 Quản lý phát thải khí** | Doanh nghiệp có ***sử dụng những công nghệ kiểm soát tốt nhất có thể có được mà không phải chịu chi phí quá mức*** trong quản lý phát thải khí không? *(giảm thiểu rò rỉ các chất ô nhiễm như các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC) bụi chì, hơi axit , ví dụ về các công nghệ/ kỹ thuật được áp dụng)*  Không  Có, ghi rõ biện pháp nào sẽ được/đã được khách hàng sử dụng | |
| **B1.4 Quản lý chất thải nguy hại**[[24]](#footnote-25) | Hoạt động của doanh nghiệp tạo ra các **chất thải nguy hại** (CTNH) nào? (*theo quy định trong Danh sách C. Phụ lục 1 của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/ 2015*)[[25]](#footnote-26)  Không  Có, chất thải nguy hại  ***Nếu có****, tìm hiểu thông tin về loại và lượng chất thải nguy hại, kèm theo quy trình quản lý chất thải đã có phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền. Cán bộ thẩm định tín dụng kiểm tra thực tế với thông tin trên Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và Báo cáo quản lý. Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc đối với các loại hóa chất độc[[26]](#footnote-27), Phiếu an toàn hóa chất cho các hóa chất nguy hiểm [[27]](#footnote-28), Khai báo hóa chất*[[28]](#footnote-29)*, lưu giữ tạm thời các CTNH theo quy định[[29]](#footnote-30)* | |
| Doanh nghiệp có thực hiện chế độ ***báo cáo định kỳ về quản lý chất thải, tái sử dụng trực tiếp chất thải nguy hại****[[30]](#footnote-31)* với cơ quan có thẩm quyền không? (Báo cáo 6 tháng)  Có *(cán bộ thẩm định tín dụng yêu cầu một bản sao báo cáo kỳ gần nhất)*  Chưa thực hiện trong giai đoạn dự án chưa đi vào hoạt động  Không, tìm hiểu rõ lý do | |
| Việc thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại của doanh nghiệp có được thực hiện bởi tổ chức, cá nhân có chuyên môn và được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động không?  Doanh nghiệp có hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại với tổ chức, cá nhân có giấy phép hoạt động  Doanh nghiệp tự thực hiện và được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động  Không, tìm hiểu rõ lý do | |
| **B1.5 Nguy cơ cháy nổ** | Doanh nghiệp có thực hiện kiểm tra ***PCCC*** định kỳ không?  Có, *cán bộ tín dụng yêu cầu một bản sao biên bản kiểm tra PCCC gần nhất*  Không, tìm hiểu rõ lý do | |
| B2. LAO ĐỘNG VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC (KHÔNG ÁP DỤNG VỚI DỰ ÁN CHƯA ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG) | | |
| *Pin và ắc quy chứa rất nhiều chất độc hại, đặc biệt là chì. Đây là kim loại nặng, đặc biệt độc hại đối với não, thận, hệ thống sinh sản và tim mạch của con người. Hợp chất chì có thể hấp thụ qua đường ăn uống và thở. Nhiễm độc chì sẽ gây hại đến các chức năng của trí óc, thận, gây vô sinh, sẩy thai và tăng huyết áp. Các kim loại nặng trong pin rất độc hại đối với con người, có khả năng gây ung thư và các vấn đề về sức khỏe khác. Do đó, người lao động phải đặt ưu tiên cao về an toàn bằng cách tuân thủ quy định an toàn. Đào tạo về ATVSLĐ và tất cả các biện pháp bảo vệ sẽ giúp giảm thiểu những rủi có thể xảy ra với lao động của doanh nghiệp.*  *Ngoài ra cần xem xét về nhu cầu lực lượng lao động của dự án và những căng thẳng có thể có giữa người lao động với nhau và giữa người lao động với cộng đồng địa phương, cũng như chỗ ăn ở cho người lao động (nước, vệ sinh, cơ sở y tế).* | | |
| **B2.1 Doanh nghiệp có tuân thủ những quy định hiện hành về sử dụng lao động không?** *Nếu không, nêu rõ lý do không thực hiện* | | Sử dụng lao động chưa thành niên[[31]](#footnote-32),[[32]](#footnote-33),[[33]](#footnote-34), [[34]](#footnote-35)  Có  Không, ghi chú  Hợp đồng lao động[[35]](#footnote-36)  Có  Không, ghi chú  Thời gian làm việc[[36]](#footnote-37),[[37]](#footnote-38), [[38]](#footnote-39),[[39]](#footnote-40),[[40]](#footnote-41)  Có  Không, ghi chú  Tiền lương tối thiểu[[41]](#footnote-42),[[42]](#footnote-43)  Có  Không, ghi chú  Bảo hiểm xã hội[[43]](#footnote-44),[[44]](#footnote-45)  Có  Không, ghi chú |
| **B2.2 An toàn vệ sinh lao động** | | Doanh nghiệp đã thực hiện đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động[[45]](#footnote-46) vào các thời điểm nào dưới đây? (*cán bộ thẩm định tín dụng yêu cầu một bản sao kết quả đánh giá của kỳ gần nhất)*  Đánh giá lần đầu khi bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh  Đánh giá định kỳ trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh (ít nhất 01 lần trong một năm)  Đánh giá bổ sung khi thay đổi về nguyên vật liệu, công nghệ, tổ chức sản xuất, khi xảy ra tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng.  Không, tìm hiểu rõ lý do: |
| Doanh nghiệp bố trí cán bộ về ATVSLĐ[[46]](#footnote-47) theo quy định không? *(đủ số lượng, có chuyên môn, nghiệp vụ)*  Có  Không, tìm hiểu rõ lý do: |
| Doanh nghiệp có tổ chức huấn luyện ATVSLĐ không?  Không  Có, chi tiết: gần đây nhất DN tổ chức huấn luyện vào thời điểm nào?       Tần suất?       Số người đã đã được huấn luyện/ tổng số LĐ?       Ai là người huấn luyện? |
| Doanh nghiệp có tổ chức kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động trong cơ sở của mình[[47]](#footnote-48) và ***báo cáo định kỳ về công tác ATVSLĐ***[[48]](#footnote-49) với cơ quan có thẩm quyền không? (*cán bộ thẩm định tín dụng yêu cầu một bản sao báo cáo* *với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế của kỳ gần nhất)*  Có  Không, tìm hiểu rõ lý do: |
| Công nhân được trang bị thiết bị phương tiện bảo vệ cá nhân (PPE) phù hợp để ngăn chặn các chất ăn mòn da, bụi chì, hơi axit?  Có  Không, tìm hiểu rõ lý do  *Nếu có, công nhân có sử dụng các phương tiện bảo vệ cá nhân không*[[49]](#footnote-50)*? (lưu ý một số khu vực nhạy cảm như xx)*  Có  Không, tìm hiểu rõ lý do |
| Trong 12 tháng gần đây, có ***tai nạn lao động*** nào xảy ra ở doanh nghiệp không[[50]](#footnote-51)?  Không  Có, tìm hiểu chi tiết (số vụ, tình hình thương vong) |
| **B2.3 Bộ phận y tế cơ sở** | | Doanh nghiệp có bố trí cán bộ y tế đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật không[[51]](#footnote-52)?  Có  Không, tìm hiểu rõ lý do: |
| Doanh nghiệp có tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người lao động không?  Không  Có, chi tiết: gần đây nhất DN tổ chức kiểm tra sức khỏe là vào thời gian nào?       Tần suất?       Số người đã đã được kiểm tra sức khỏe/ tổng số LĐ? |
| B3. SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA CỘNG ĐỒNG | | |
| *Tác động đặc trưng của sản xuất pin và ắc quy là lượng nước thải lớn gồm rất nhiều loại hóa chất ô nhiễm và mùi ô nhiễm trong các công đoạn sử dụng hóa chất. Những chất này cần được kiểm soát thích đáng (như đánh giá trong phần B1) nhằm tránh trở thành mối lo cho cộng đồng.*  *Tổ chức thu hồi sản phẩm thải bỏ do mình đã bán ra thị trường Việt Nam là trách nhiệm của nhà sản xuất được pháp luật Việt Nam quy định[[52]](#footnote-53).*  *Tuân thủ tiêu chuẩn về khoảng cách bảo vệ vệ sinh[[53]](#footnote-54) cho các cơ sở sản xuất nằm đơn lẻ ngoài khu chế xuất hoặc khu công nghiệp, có phát thải các yếu tố độc hại đối với môi trường và sức khỏe con người là yêu cầu bắt buộc theo quy định của pháp luật.* | | |
| **B3.1. Tổ chức thu hồi sản phẩm thải bỏ** | | Doanh nghiệp sẽ/ có tổ chức thu hồi sản phẩm thải bỏ do mình đã bán ra thị trường Việt Nam không?  Có, tìm hiểu chi tiết       *(Cán bộ tín dụng yêu cầu bản photo các báo cáo thu hồi sản phẩm[[54]](#footnote-55) và danh sách các điểm thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ)*  Không, lý do |
| **B3.2. Khoảng cách an toàn (Khoảng cách bảo vệ vệ sinh)** | | Doanh nghiệp sẽ/ có bảo đảm khoảng cách an toàn đối với khu dân cư, công trình công cộng, di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, khu bảo tồn đa dạng sinh học, nguồn nước sinh hoạt không? *[[55]](#footnote-56)*  Có, tìm hiểu chi tiết        Không, lý do |
| **B3.3. Các biện pháp phòng ngừa** | | Doanh nghiệp sẽ/có kế hoạch áp dụng bất kỳ một biện pháp phòng ngừa nào để giảm thiểu các yếu tố có hại trong sản xuất đối với cộng đồng lân cận không?  Có, ghi rõ biện pháp nào đã/ sẽ được doanh nghiệp sử dụng  Không, tìm hiểu rõ lý do |
| **B3.4. Cơ chế / Đầu mối tiếp nhận thông tin** | | Doanh nghiệp có chỉ định một đầu mối/ cán bộ chuyên trách là người của doanh nghiệp chịu trách nhiệm tiếp nhận và đáp thắc mắc hoặc khiếu nại của người dân trong cộng đồng lân cận hoặc các bên liên quan khác không?  Có, cán bộ tín dụng ghi rõ danh sách (tên, chức vụ, thông tin liên lạc của (các) cán bộ này  Chưa chỉ định trong giai đoạn dự án chưa đi vào hoạt động  Không, tìm hiểu lý do: |
| **B3.5. Khiếu nại** | | Trong 12 tháng gần đây, có khiếu nại nào của cộng đồng lân cận về những ảnh hưởng tiêu cực do hoạt động SXKD của Doanh nghiệp có gây ra với cộng đồng lân cận không[[56]](#footnote-57)?  Không  Có, tìm hiểu chi tiết |
| B4. ĐA DẠNG SINH HỌC, TÁI ĐỊNH CƯ, NGƯỜI THIỂU SỐ BẢN ĐỊA VÀ DI SẢN VĂN HÓA | | |
| *Việc triển khai dự án này có thể ảnh hưởng đến người dân – bị mất đất và phương kế sinh nhai của nhóm người dễ bị tổn thương – dễ bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về hoàn cảnh kinh tế xã hội. Hơn nữa hoạt động của dự án có thể đe dọa các khu tiền sử, di tích lịch sử, văn hóa, nghệ thuật và tôn giáo gần đó..* | | |
| **B4.1 Đa dạng sinh học** | | Hoạt động của doanh nghiệp có tác động tàn phá các môi trường sống tự nhiên[[57]](#footnote-58) và các loài sinh vật bảo tồn? [[58]](#footnote-59)  Không  Có, cung cấp thông tin chi tiết về loại và khu vực môi trường sống bị ảnh hưởng và các biện pháp ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro đã được áp dụng: |
| **B4.2 Hệ sinh thái** | | Hoạt động của doanh nghiệp có làm ảnh hưởng đến hệ sinh thái địa phương do thay đổi lượng và chất lượng nước, chất lượng không khí và các dịch vụ sinh thái khác[[59]](#footnote-60)? [[60]](#footnote-61)  Không  Có, mô tả nơi nào bị ảnh hưởng và biện pháp giảm thiểu và các biện pháp ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro đã được áp dụng: |
| **B4.3 Hoạt động kinh tế địa phương** | | Hoạt động của doanh nghiệp sẽ có ảnh hưởng tiêu cực đến sinh kế của người dân xung quanh (thay đổi cách làm nông, thay đổi quy mô lớn về chất lượng và số lượng đất/không khí và nước) không? [[61]](#footnote-62)  Không  Có, cách thức giảm thiểu rủi ro mà doanh nghiệp đang áp dụng:(có thể là các hoạt động đào tạo nghề, tuyên truyền nâng cao nhận thức, tuyển dụng lao động địa phương…) |
| **B4.4 Người thiểu số dân bản địa** | | Người thiểu số dân bản địa[[62]](#footnote-63) sẽ/có bị ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp bởi dự án (vì tái định cư, sử dụng đất, sử dụng lao động và tương tự) không?  Không  Có, những địa phương nào bị ảnh hưởng và biện pháp giảm thiểu rủi ro: |
| **B4.5 Di sản văn hóa** | | Hoạt động của doanh nghiệp sẽ/có tác động đến các di sản văn hóa có ý nghĩa lịch sử, khảo cổ, tôn giáo không?  Không  Có, di sản văn hóa nào bị ảnh hưởng và các biện pháp ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro đã được áp dụng: |

|  |
| --- |
| C. ĐỀ XUẤT |
| Không có rủi ro về môi trường và xã hội |
| Dự án có rủi ro về môi trường và xã hội, và đã có biện pháp quản lý rủi ro môi trường và xã hội |
| Dự án có rủi ro về môi trường và xã hội và doanh nghiệp chưa thực hiện các biện pháp cải thiện quản lý rủi ro môi trường và xã hội. Khuyến nghị các biện pháp phòng ngừa khuyến nghị và các điều khoản cần đưa vào hợp đồng tín dụng và tại các thời điểm giải ngân: |

PHỤ LỤC 1: CÁC QUY ĐỊNH CỦA VIỆT NAM

Những Luật sau đây của Việt Nam được áp dụng khi đánh giá các rủi ro tiềm ẩn đối với các khoản đầu tư vào lĩnh vực năng lượng:

1. Luật Bảo vệ môi trường
2. Luật Hóa chất
3. Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá
4. Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả
5. Luật Tài nguyên nước
6. Luật Lao động
7. Luật Bảo hiểm xã hội
8. Luật An toàn, vệ sinh lao động
9. Các quy chuẩn Việt Nam (QCVN) về môi trường:

* QCVN về chất lượng không khí xung quanh
* QCVN về một số chất độc hại trong không khí xung quanh
* QCVN về ngưỡng chất thải nguy hiểm
* QCVN về Nước thải công nghiệp

1. Các quy chuẩn Việt Nam về an toàn lao động

* QCVN về những thiết bị bảo vệ đường hô hấp – Bộ lọc bụi
* QCVN về an toàn cháy cho nhà và công trình
* Tiêu chuẩn vệ sinh lao động, và thông số vệ sinh lao động

PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN VỀ MÔI TRƯỜNG, SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN

Hướng dẫn về môi trường, sức khỏe và an toàn (EHS) của Nhóm Ngân hàng thế giới là các tài liệu tham khảo kỹ thuật với các ví dụ chung và của các ngành công nghiệp đặc thù về thực hành công nghiệp quốc tế tốt (GIIP)[[63]](#footnote-64). Các **hướng dẫn EHS chung** được thiết kế để đồng sử dụng với **Hướng dẫn EHS cho các ngành công nghiệp** liên quan, cung cấp cho người sử dụng hướng dẫn về các vấn đề EHS ở các ngành công nghiệp đặc thù. Đối với dự án phức hợp, có thể cần sử dụng các hướng dẫn cho khu vực công nghiệp đa ngành. Hướng dẫn EHS cho từng ngành công nghiệp nêu lên những vấn đề về môi trường và xã hội chính có thể xảy ra đối với ngành đó và cung cấp mức tính năng và các biện pháp nói chung được coi là có thể đạt được trong các cơ sở sản xuất mới bằng công nghệ hiện có với chi phí phù hợp.

Đối với các dự án sản xuất nhiệt điện, xin tham khảo thêm hướng dẫn cho các ngành công nghiệp sau:

* Hướng dẫn EHS cho NHÀ MÁY GIẤY VÀ BỘT GIẤY

Bản tiếng Anh:

<http://www.ifc.org/wps/wcm/connect/6f13e78048855398afb4ff6a6515bb18/Final%2B-%2BPulp%2Band%2BPaper%2BMills.pdf?MOD=AJPERES>

Bản tiếng Việt:

1. Dự án xây dựng cơ sở sản xuất ắc quy, pin phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (theo Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 Phụ lục 2): Dự án xây dựng cơ sở sản xuất ắc quy, pin có công suất từ Công suất từ 50.000 KWh/năm trở lên hoặc từ 100 tấn sản phẩm/năm trở lên [↑](#footnote-ref-2)
2. Điều 7, và Phụ lục II Nghị định 79/2014/NĐ-CP về PCC: Công trình sản xuất công nghiệp có hạng nguy hiểm cháy nổ A, B, C, D, E thuộc dây chuyền công nghệ sản xuất chính có khối tích từ 1.000 m3 trở lên. [↑](#footnote-ref-3)
3. Điều 15, và Phụ lục IV Nghị định 79/2014/NĐ-CP về PCC: Công trình sản xuất công nghiệp có hạng nguy hiểm cháy nổ A, B, C, D, E thuộc dây chuyền công nghệ sản xuất chính có khối tích từ 1.000 m3 trở lên. [↑](#footnote-ref-4)
4. Chủ nguồn thải chất thải nguy hại có trách nhiệm đăng ký với Sở Tài nguyên và Môi trường (Điều 6, Nghị định 38/2015/NĐ-CP về việc quản lý chất thải và phế liệu) [↑](#footnote-ref-5)
5. Giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án hoặc Giấy xác nhận việc đã thực hiện một trong các hạng mục công trình của dự án đã được đầu tư trong trường hợp dự án được phân kỳ đầu tư theo nhiều giai đoạn trước khi đưa dự án, công trình vào vận hành chính thức. Các dự án sản xuất giấy phải báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường (theo Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 Phụ lục 2): tất cả các Dự án xây dựng cơ sở sản xuất bột giấy và giấy từ nguyên liệu thô; và Dự án xây dựng cơ sở sản xuất giấy, bao bì cát tông từ bột giấy hoặc phế liệu [↑](#footnote-ref-6)
6. Những cơ sở đã có giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 còn hiệu lực do tổ chức chứng nhận đã đăng ký lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật cấp không phải thực hiện xác nhận hệ thống quản lý môi trường, Điều 25, Nghị định 19/2015/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-7)
7. Bắt buộc đối với Công trình sản xuất công nghiệp có hạng nguy hiểm cháy nổ A, B, C, D, E thuộc dây chuyền công nghệ sản xuất chính có khối tích từ 1.000 m3 trở lên.. Điều 7, và Phụ lục IV Nghị định 79/2014/NĐ-CP về PCCC. [↑](#footnote-ref-8)
8. Công trình sản xuất công nghiệp có hạng nguy hiểm cháy nổ A, B, C, D, E thuộc dây chuyền công nghệ sản xuất chính có khối tích từ 1.000 m3 trở lên.. Phụ lục III Nghị định 79/2014/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-9)
9. Điều 3 Thông tư liên tịch 214/2013/TTLT-BTC-BCA về Bảo hiểm cháy nổ [↑](#footnote-ref-10)
10. Tổ chức chứng nhận được thừa nhận là những tổ chức đã đăng ký lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật, và được cấp phép, hoặc những tổ chức chứng nhận được quốc tế thừa nhận [↑](#footnote-ref-11)
11. Giấy chứng nhận tiêu chuẩn không bắt buộc, nhưng được khuyến khích. Cán bộ tín dụng yêu cầu doanh nghiệp cung cấp một bản sao của giấy chứng nhận còn hiệu lực, nếu có. [↑](#footnote-ref-12)
12. Áp dụng cho toàn bộ doanh nghiệp/ tổ chức [↑](#footnote-ref-13)
13. Áp dụng cho toàn bộ doanh nghiệp/ tổ chức [↑](#footnote-ref-14)
14. Chỉ áp dụng cho từng dây truyền sản xuất kinh doanh cụ thể. Khi có dự án mới (xây dựng nhà máy mới, dây truyền sản xuất mới) cần phải được đánh giá và chứng nhận mới [↑](#footnote-ref-15)
15. Áp dụng cho toàn bộ doanh nghiệp [↑](#footnote-ref-16)
16. Chỉ áp dụng cho từng khu vực sản xuất kinh doanh cụ thể, khi có dự án mới (xây dựng nhà máy mới, dây truyền sản xuất mới) cần phải được đánh giá và chứng nhận mới [↑](#footnote-ref-17)
17. Theo Nghị định 155/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường [↑](#footnote-ref-18)
18. Theo Nghị định 88/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 95; và Nghị định 95/2013/NĐ-CP ngày 22/08/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng [↑](#footnote-ref-19)
19. Đối với các dự án đầu tư mới, chưa được đưa vào vận hành, các đánh giá tiếp theo ở phần B này được thực hiện trên nguyên tắc đánh giá những kế hoạch của doanh nghiệp trong việc quản lý các vấn đề liên quan. Đối với các dự án này, cán bộ tín dụng cần ghi chép lại trong báo cáo đánh giá kế hoạch kiểm tra việc thực hiện những cam kết của Doanh nghiệp trong Đánh giá tác động môi trường khi dự án được đưa vào vận hành. Biện pháp tốt nhất là đưa thành một điều kiện giải ngân. [↑](#footnote-ref-20)
20. Khu vực nhạy cảm môi trường bao gồm khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, khu di tích lịch sử văn hóa, khu di sản thế giới, khu dự trữ sinh quyển và khu danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng. Các cơ sở sản xuất cơ sở sản xuất nằm đơn lẻ ngoài khu chế xuất hoặc khu công nghiệp nằm cần phải được xem xét đặc biệt để hạn chế các tác động xấu đến môi trường, cảnh quan và sức khỏe con người. [↑](#footnote-ref-21)
21. Khoản 2, Điều18, Thông tư 31/2016/TT-BTNMT: 2. Cơ sở có lưu lượng nước thải từ 1.000 m3/ngày.đêm trở lên, ngoài việc thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này, phải thực hiện thêm các nội dung sau: a) Giám sát, quan trắc tự động, liên tục nước thải đầu ra theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 26 Thông tư này; b) Có công tơ điện tử đo điện độc lập của hệ thống xử lý nước thải, lượng điện tiêu thụ phải được ghi vào nhật ký vận hành; c) Có phương án, hạ tầng, phương tiện, thiết bị để ứng phó, khắc phục sự cố trong trường hợp hệ thống thu gom, xử lý nước thải gặp sự cố; d) Có điểm kiểm tra, giám sát xả nước thải vào hệ thống tiêu thoát nước đặt ngoài hàng rào, có lối đi thuận lợi và có biển báo. [↑](#footnote-ref-22)
22. Điều 26, Thông tư 31/2016/TT-BTNMT: Các thông số quan trắc bao gồm: lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, pH, nhiệt độ, COD, TSS và các thông số đặc trưng theo loại hình (trong trường hợp có công nghệ, thiết bị quan trắc tự động phù hợp trên thị trường) theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết; Hệ thống quan trắc nước thải tự động phải bao gồm thiết bị lấy mẫu tự động được niêm phong và quản lý bởi Sở Tài nguyên và Môi trường; phải lắp đặt thiết bị camera được kết nối internet để giám sát cửa xả của hệ thống xử lý nước thải và lưu giữ hình ảnh trong vòng 03 tháng gần nhất. Hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục phải hoạt động ổn định, được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định và phải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật kết nối để truyền dữ liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường. [↑](#footnote-ref-23)
23. Tham khảo thêm Thông tư 02/2014/TT-BCT Quy định các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các ngành công nghiệp [↑](#footnote-ref-24)
24. Các chất thải nguy hại từ ngành sản xuất pin và ắc quy có thể theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT, bao gồm: Pin, ắc quy chì thải, Pin Ni-Cd thải, Pin, ắc quy thải có thủy ngân, Chất điện phân từ pin và ắc quy thải, Các loại pin, ắc quy khác, Chất xúc tác đã qua sử dụng, Các chất oxi hóa thải [↑](#footnote-ref-25)
25. Cán bộ tín dụng nghiên cứu Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Đề án/ kế hoạch bảo vệ môi trường để xác định các thông tin này. [↑](#footnote-ref-26)
26. Hóa chất độc bao gồm các hóa chất được quy định tại khoản 5 Điều 4 của Luật hóa chất. Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc theo quy định tại Điều 23 của Luật hóa chất [↑](#footnote-ref-27)
27. Bắt buộc đối với các loại hóa chất nguy hiểm quy định tại Chương IV Nghị định số 113/2017/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-28)
28. Bắt buộc đối với các loại Khí thiên nhiên, Propan, Butan, Etylen, propylen, butylen và butadiene, Chương IV Nghị định số 113/2017/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-29)
29. Bắt buộc theo điều 7, 8 Nghị định 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu [↑](#footnote-ref-30)
30. Bắt buộc theo điều 7, Nghị định 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu [↑](#footnote-ref-31)
31. Ngành nhuộm không được sử dụng lao động dưới 15 tuổi, Thông tư 11/2013/TT-BLĐTBXH ngày 11/6/2013 [↑](#footnote-ref-32)
32. Cán bộ tín dụng yêu cầu bản sao sổ theo dõi sử lao động chưa thành niên. Theo điều 162 Luật lao động, khi sử dụng người lao động chưa thành niên, người sử dụng lao động phải lập sổ theo dõi riêng, ghi đầy đủ họ tên, ngày tháng năm sinh, công việc đang làm, kết quả những lần kiểm tra sức khoẻ định kỳ và xuất trình khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu. [↑](#footnote-ref-33)
33. Cấm làm các công việc theo quy định tại Thông tư 10/2013/TT-BLĐTBXH ngày 10/6/2013. [↑](#footnote-ref-34)
34. Điều 163 Luật lao động Lao động chưa thành niên không được làm quá 40 giờ/ tuần. Lao động chưa thành niên được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm trong một số nghề và công việc. [↑](#footnote-ref-35)
35. Điều 16. Luật Lao động: Hợp đồng lao động phải được giao kết bằng văn bản và được làm thành 02 bản, người lao động giữ 01 bản, người sử dụng lao động giữ 01 bản. Đối với công việc tạm thời có thời hạn dưới 03 tháng, các bên có thể giao kết hợp đồng lao động bằng lời nói. [↑](#footnote-ref-36)
36. Điều 104 Luật Lao động: Thời giờ làm việc bình thường không quá 08 giờ trong 01 ngày và 48 giờ trong 01 tuần. Người sử dụng lao động có quyền quy định làm việc theo giờ hoặc ngày hoặc tuần; trường hợp theo tuần thì thời giờ làm việc bình thường không quá 10 giờ trong 01 ngày, nhưng không quá 48 giờ trong 01 tuần . Nhà nước khuyến khích người sử dụng lao động thực hiện tuần làm việc 40 giờ. Thời giờ làm việc không quá 06 giờ trong 01 ngày đối với những người làm các công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. [↑](#footnote-ref-37)
37. Điều 4 Nghị định 45/2013/NĐ-CP: Số giờ làm thêm trong ngày được quy định như sau: a) Không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày; khi áp dụng quy định làm việc theo tuần thì tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày; b) Không quá 12 giờ trong 01 ngày khi làm thêm vào ngày nghỉ lễ, tết và ngày nghỉ hằng tuần. [↑](#footnote-ref-38)
38. Điều 106 Luật Lao động. Làm thêm giờ là khoảng thời gian làm việc ngoài thời giờ làm việc bình thường được quy định trong pháp luật, thỏa ước lao động tập thể hoặc theo nội quy lao động. Điều 4 Nghị định 45/2013/NĐ-CP: các doanh nghiệp/ tổ chức hoạt động trong ngành nông nghiệp không thuộc diện được tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm. Khi tổ chức làm thêm giờ, người sử dụng lao động phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quản lý nhà nước về lao động tại địa phương. [↑](#footnote-ref-39)
39. Cán bộ thẩm định tín dụng có thể xem bảng lương và/ hoặc phỏng vấn người lao động để xác minh thông tin. [↑](#footnote-ref-40)
40. Điều 105 Luật Lao động: Giờ làm việc ban đêm được tính từ 22 giờ đến 6 giờ sáng ngày hôm sau. [↑](#footnote-ref-41)
41. Điều 90. Luật Lao động: Tiền lương là khoản tiền mà người sử dụng lao động trả cho người lao động để thực hiện công việc theo thỏa thuận. Tiền lương bao gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Mức lương của người lao động không được thấp hơn mức lương tối thiểu do Chính phủ quy định. 2. Tiền lương trả cho người lao động căn cứ vào năng suất lao động và chất lượng công việc. 3. Người sử dụng lao động phải bảo đảm trả lương bình đẳng, không phân biệt giới tính đối với người lao động làm công việc có giá trị như nhau [↑](#footnote-ref-42)
42. Mức lương tối thiểu năm 2017 được quy định tại Nghị định 153/2016/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Cán bộ tín dụng cần cập nhật các hướng dẫn của chính phủ về mức lương tối thiểu hàng năm [↑](#footnote-ref-43)
43. Điều 21. Luật bảo hiểm xã hội: Trách nhiệm của người sử dụng lao động: 1. Lập hồ sơ để người lao động được cấp sổ bảo hiểm xã hội, đóng, hưởng bảo hiểm xã hội. 2. Đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 86 và hằng tháng trích từ tiền lương của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật này để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội. [↑](#footnote-ref-44)
44. Cán bộ tín dụng xác minh xem Doanh nghiệp có thuộc danh sách chậm nợ hay trốn đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động không. [↑](#footnote-ref-45)
45. Điều 3 Thông tư 07/2016/TT-BLĐTBXH. Tổ chức đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động: 2. Việc đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động thực hiện vào các thời điểm sau đây: a) Đánh giá lần đầu khi bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh; b) Đánh giá định kỳ trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh ít nhất 01 lần trong một năm, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác. Thời điểm đánh giá định kỳ do người sử dụng lao động quyết định; c) Đánh giá bổ sung khi thay đổi về nguyên vật liệu, công nghệ, tổ chức sản xuất, khi xảy ra tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng. [↑](#footnote-ref-46)
46. Điều 75, Luật An toàn, vệ sinh lao động 84/2015/QH13, Khoản 1 Điều 36, Nghị định 39/2016/NĐ-CP: Tổ chức bộ phận an toàn, vệ sinh lao động: Việc tổ chức bộ phận an toàn, vệ sinh lao động theo Khoản 1 Điều 72 Luật An toàn, vệ sinh lao động được quy định như sau: c) Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 300 đến dưới 1.000 người lao động, phải bố trí ít nhất 02 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo chế độ chuyên trách; d) Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng sử dụng trên 1.000 người lao động phải thành lập phòng an toàn, vệ sinh lao động hoặc bố trí ít nhất 03 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo chế độ chuyên trách. [↑](#footnote-ref-47)
47. Điều 9 Thông tư 07/2016/TT-BLĐTBXH: Người sử dụng lao động phải tổ chức kiểm tra toàn diện ít nhất 01 lần trong 06 tháng ở cấp cơ sở sản xuất, kinh doanh và 01 lần trong 03 tháng ở cấp phân xưởng, tổ, đội sản xuất hoặc tương đương. [↑](#footnote-ref-48)
48. Điều 10 Thông tư 07/2016/TT-BLĐTBXH: Thống kê, báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động: 1. Người sử dụng lao động phải mở sổ thống kê các nội dung cần phải báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động. Các số liệu thống kê phải được lưu trữ theo quy định của pháp luật, làm căn cứ theo dõi, phân tích, đưa ra các chính sách, giải pháp đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động. 2. Người sử dụng lao động phải báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động định kỳ hằng năm với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế (trực tiếp hoặc bằng fax, bưu điện, thư điện tử) theo mẫu được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Báo cáo phải gửi trước ngày 10 tháng 01 của năm sau.g. [↑](#footnote-ref-49)
49. Cán bộ thẩm tra tín dụng quan sát và hỏi người lao động trong quá trình thẩm tra thực tế [↑](#footnote-ref-50)
50. Cán bộ thẩm định tính dụng có thể yêu cầu một bản sao Báo cáo tổng hợp tình hình tai nạn Lao động của doanh nghiệp; Cán bộ thẩm định tín dụng cũng có thể hỏi thêm người lao động tại doanh nghiệp trong khi thẩm tra thực tế. [↑](#footnote-ref-51)
51. Điều 73, Luật An toàn, vệ sinh lao động 84/2015/QH13, Khoản 1 Điều 37, Nghị định 39/2016/NĐ-CP: Tổ chức bộ phận y tế: Việc tổ chức bộ phận y tế quy định tại Khoản 1 Điều 73 Luật An toàn, vệ sinh lao động được quy định như sau: a) Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng dưới 300 người lao động phải có ít nhất 01 người làm công tác y tế có trình độ trung cấp; b) Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 300 đến dưới 500 người lao động phải có ít nhất 01 bác sĩ/y sĩ và 01 người làm công tác y tế có trình độ trung cấp; c) Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 500 đến dưới 1.000 người lao động phải có ít nhất 01 bác sĩ và mỗi ca làm việc phải có 01 người làm công tác y tế có trình độ trung cấp; d) Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 1.000 lao động trở lên phải thành lập cơ sở y tế theo hình thức tổ chức phù hợp quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh. [↑](#footnote-ref-52)
52. Quyết định 16/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ [↑](#footnote-ref-53)
53. Báo cáo Tổng cục Môi trường về các thông tin sau: a) Lượng sản phẩm được sản xuất, nhập khẩu đã bán ra thị trường Việt Nam; b) Danh sách điểm thu hồi và nơi xử lý sản phẩm thải bỏ; c) Kết quả thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ; d) Các trường hợp từ chối tiếp nhận sản phẩm thải bỏ và lý do từ chối tiếp nhận; Báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương về các điểm thu hồi nằm bên ngoài cơ sở phân phối và khuôn viên cơ sở của nhà sản xuất.. (Điều 5, Quyết định 16/2015/QĐ-TTg) [↑](#footnote-ref-54)
54. Tiêu chuẩn khoảng cách bảo vệ vệ sinh, Quyết định 3733/2002/QĐ – BYT Về việc ban hành 21 Tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động. [↑](#footnote-ref-55)
55. Tiêu chuẩn khoảng cách bảo vệ vệ sinh, Quyết định 3733/2002/QĐ – BYT Về việc ban hành 21 Tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động. [↑](#footnote-ref-56)
56. Cán bộ tín dụng có thể hỏi thêm người dân sống ở khu vực xung quanh để xác minh thêm thông tin. Các vấn đề có thể bị khiếu nai hoặc kiểm tra với người dân là nguồn nước, khí thải, rác thải, tiếng ồn … [↑](#footnote-ref-57)
57. Môi trường sinh thái tự nhiên bao gồm khu vực đất và nước mà hệ sinh thái được hình thành bởi loài sinh vật và thực vật tự nhiên, nơi mà hoạt động của con người không được làm thay đổi các chức năng sinh thái cơ bản của nó. Môi trường sinh thái tự nhiên baom gồm rừng, đầm lầy, đồng cỏ không khai thác, thảo nguyên, rặng san hô ... [↑](#footnote-ref-58)
58. Cán bộ thẩm định tín dụng hỏi/ phỏng vấn người dân địa phương. [↑](#footnote-ref-59)
59. Dịch vụ hệ sinh thái là sản phẩm và dịch vụ của tự nhiên. Có thể là nguồn nước, kiểm soát lũ lụt và xói mòn tự nhiên, duy trì chất lượng không khí. [↑](#footnote-ref-60)
60. Cán bộ thẩm định tín dụng có thể hỏi thêm người dân sống ở khu vực xung quanh để xác minh thêm thông tin. [↑](#footnote-ref-61)
61. Cán bộ thẩm định tín dụng có thể hỏi thêm người dân sống ở khu vực xung quanh để xác minh thêm thông tin. [↑](#footnote-ref-62)
62. Người thiểu số bản địa là nhóm xã hội có đặc điểm, lối sống, văn hóa và lịch sử đặc trưng và khác với các nhóm xã hội phổ biến khác. [↑](#footnote-ref-63)
63. Được định nghĩa là phần thực hành kỹ năng chuyên nghiệp, chăm chỉ, thận trọng và dự báo trước từ các chuyên gia giàu kinh nghiệm và lành nghề tham gia vào cùng một loại hình và thực hiện dưới cùng một hoàn cảnh trên toàn cầu. Các hoàn cảnh mà các chuyên gia giàu kinh nghiệm và lão luyện có thể thấy khi đánh giá biên độ của việc phòng ngừa ô nhiễm và các kỹ thuật kiểm soát sẵn có cho dự án có thể bao gồm, nhưng không giới hạn, các cấp độ đa dạng về thoái hoá môi trường và năng lực đồng hoá môi trường cũng như các cấp độ về mức khả thi tài chính và kỹ thuật. [↑](#footnote-ref-64)